

**Tầm nhìn phát triển công nghiệp tiểu vùng sông Mê Kông (Dự thảo)**  
**~Hướng tới trở thành trung tâm của mạng lưới chuỗi giá trị của Châu Á và hơn thế nữa ~**

**1. Tình hình hiện nay tại tiểu vùng sông Mê Kông**

- Tiểu vùng sông Mê Kông bao gồm năm quốc gia tiếp giáp với nhau trên đất liền với nền văn hóa đa dạng và trình độ phát triển khác nhau. Tiểu vùng sông Mê Kông có tốc độ tăng trưởng kinh tế liên tục; sự phân chia dân số góp phần làm tăng nguồn cung lao động; sự gia tăng trong tiêu dùng nội địa. Mọi liên hệ về thể chế và thực chất đều được tăng cường, được thúc đẩy bởi sự phát triển của cơ sở hạ tầng và nỗ lực hội nhập kinh tế khu vực hướng đến hình thành cộng đồng kinh tế ASEAN. Trong bối cảnh đó, tiểu vùng đã thu hút đầu tư từ khắp nơi trên thế giới như là một khu vực sản xuất, cơ sở xuất khẩu và thị trường tiêu dùng ngày càng phát triển.
  - Số lượng thành viên của Phòng Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản có trụ sở tại các nước tiểu vùng sông Mê Kông gia tăng nhanh chóng kể từ năm 2012; bên cạnh ngành công nghiệp sản xuất, rất nhiều ngành công nghiệp dịch vụ của Nhật Bản bao gồm bán lẻ, nhà hàng và vận tải đang thực hiện đầu tư ở tiểu vùng sông Mê Kông. Đầu tư nước ngoài từ Trung Quốc, Hàn Quốc và Hoa Kỳ cũng tăng kể từ năm 2010.
  - Vị trí địa lý của tiểu vùng sông Mê Kông cũng thúc đẩy tăng trưởng thương mại với Trung Quốc và Ấn Độ (ví dụ, gia tăng mậu dịch giữa miền Nam Trung Quốc và Việt Nam).
- Liên quan đến tiểu vùng sông Mê Kông như là một thị trường thống nhất, các doanh nghiệp phân tích kỹ càng ưu điểm và nhược điểm của từng nước bao gồm chất lượng và số lượng nguồn cung lao động, tiềm năng thị trường, mức độ sẵn có của năng lượng và tài nguyên thiên nhiên, khả năng dễ dàng tiếp cận và kết nối trong tiểu vùng sông Mê Kông và xa hơn nữa, từ đó lựa chọn địa điểm đầu tư có mức độ sẵn sàng cao hơn đối với việc mở rộng chuỗi cung ứng xuyên biên giới (ưu điểm và nhược điểm của từng quốc gia được phân tích chi tiết tại phần phụ lục).
- Thái Lan, trung tâm của tiểu vùng sông Mê Kông, có kinh nghiệm phát triển công nghiệp phong phú với nền công nghiệp phụ trợ rộng lớn, mở rộng chuỗi cung ứng của các lĩnh vực chính ở thượng nguồn và hạ nguồn, bao gồm nhiều doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ. Xu hướng đầu tư “Thái Lan+ 1” đang dần hình thành với việc nâng cấp ngành công nghiệp của Thái Lan, các quy trình sản xuất cần nhiều lao động được chuyển giao cho các nước láng giềng trong tiểu vùng sông Mê Kông. Cùng với xu hướng “Trung Quốc + 1”, xu hướng “Thái Lan+ 1” đang góp phần

tăng cường mở rộng chuỗi cung ứng xuyên biên giới và quá trình công nghiệp hóa chủ yếu của Campuchia, Lào và Myanmar. Các chuỗi cung ứng xuyên biên giới này ngày càng được mở rộng và bắt đầu kết nối với việc phát triển các chuỗi cung ứng ở miền Bắc, miền Nam và miền Trung Việt Nam.

- Các doanh nghiệp hướng đến việc tối ưu hóa các chuỗi cung ứng không chỉ trong toàn bộ tiểu vùng sông Mê Kông mà còn trên khắp Châu Á bao gồm Trung Quốc, Ấn Độ và các nước ASEAN khác. Dòng đầu tư tích cực đến tiểu vùng sông Mê Kông hiện nay không chắc sẽ được duy trì trong những thập kỷ tới mà phụ thuộc vào thay đổi của môi trường. Nhận thức rõ vấn đề này, chính sách phát triển bền vững trong khu vực, trong đó nêu rõ những ưu điểm và nhược điểm có vai trò quan trọng trong việc tiếp tục đạt được sự tăng trưởng kinh tế.
- Tiểu vùng sông Mê Kông kết nối với những thị trường lớn đang phát triển, Trung Quốc, Ấn Độ và các nước ASEAN khác, với dân số hơn 3,3 tỉ người, bằng một nửa dân số thế giới. Một cơ cấu công nghiệp tối ưu và bổ sung cho các thị trường đang phát triển này có thể thúc đẩy vai trò của tiểu vùng sông Mê Kông như là cầu nối giữa các thị trường lớn của Châu Á. Điều này cho phép tiểu vùng sông Mê Kông cân bằng sự phát triển kinh tế của Châu Á, thông qua việc thúc đẩy hơn nữa sự phát triển mậu dịch xuyên Châu Á, rút ngắn khoảng cách phát triển và tạo ra cơ cấu công nghiệp tiên tiến. Do đó, tầm nhìn phát triển tiếp theo cần xem tiểu vùng sông Mê Kông như là “trung tâm của chuỗi giá trị Châu Á và toàn cầu”.

## **2. Những thách thức và cơ hội đối với tiểu vùng sông Mê Kông**

< Cơ cấu thương mại >

- Kim ngạch thương mại giữa các nước tiểu vùng sông Mê Kông tăng đều đặn với việc mở rộng và phát triển các khu vực sản xuất trong tiểu vùng sông Mê Kông và sức mua gia tăng. Tỷ trọng thương mại trong nội bộ tiểu vùng sông Mê Kông trong tổng kim ngạch thương mại đã tăng gấp đôi, từ 3% năm 2002 lên 6% năm 2012. Tuy nhiên, sự phụ thuộc lẫn nhau về thương mại trong tiểu vùng sông Mê Kông vẫn thấp khi so với sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước ASEAN, đặc biệt là về thực phẩm, đồ điện tử và xe ô tô.

Mạng lưới sản xuất xuyên biên giới trong tiểu vùng sông Mê Kông vẫn còn hạn chế do sự chuyển giao về khối lượng sản xuất tương đối nhỏ, thể hiện chủ yếu bằng những quy trình sản xuất cần nhiều lao động. Do đó, cần phải phát triển những ngành công nghiệp giá trị gia tăng cao hơn tận dụng ưu điểm của mỗi quốc gia, sự phân chia lao động xuyên biên giới sâu hơn trong các quy trình sản xuất và sự phụ thuộc lẫn nhau nhiều hơn về thương mại.

- Về thương mại ngoài khu vực, tiểu vùng sông Mê Kông đang tăng cường xuất khẩu sang những thị trường phát triển nhanh như Trung Quốc và Ấn Độ với mức tăng trưởng hàng năm trên 20% kể từ năm 2000. Trong khi đó, xuất khẩu từ Trung Quốc sang Ấn Độ có mức tăng trưởng hàng năm gần 40% và tỉ lệ nhập khẩu từ Trung Quốc đã tăng từ dưới 5% tổng lượng nhập khẩu của Ấn Độ vào năm 2000 lên 27% vào năm 2009. Một trong những nguyên nhân chính cho việc mở rộng xuất khẩu của Trung Quốc đó là nước này đã thành công trong việc hỗ trợ các ngành công nghiệp đang phát triển của Ấn Độ như công nghiệp dịch vụ và cơ sở hạ tầng với việc cung cấp hàng hóa trung gian và thành phẩm với chi phí cạnh tranh (ví dụ, các sản phẩm công nghệ thông tin bao gồm điện thoại thông minh và máy tính bảng, phụ tùng ô tô cho dịch vụ sửa chữa và bảo trì, máy móc nhà xưởng và máy móc sản xuất). Tiểu vùng sông Mê Kông cũng sẽ được hưởng lợi từ việc phát triển các ngành công nghiệp và chuỗi giá trị với Ấn Độ nhằm hướng tới đôi bên cùng có lợi và bổ sung cho nhau.
- Để có thể phát triển như là một cơ sở xuất khẩu, một thách thức gặp phải là phát triển cơ sở hạ tầng xuất khẩu. Do tất cả các cảng biển nước sâu hiện nay trong tiểu vùng sông Mê Kông đều hướng ra biển Thái Bình Dương, lợi thế của vị trí địa lý nằm cạnh tiểu lục địa Ấn Độ không được khai thác triệt để. Do đó, việc phát triển các cảng biển nước sâu ở Myanmar là một mục tiêu quan trọng.

#### < Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) >

- Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào tiểu vùng sông Mê Kông đã tăng nhanh chóng từ 4 tỉ USD và đầu những năm 2000 lên hơn 10 tỉ USD trong những năm 2010. Với sự phát triển kinh tế, sự phân bố dân cư và cơ sở hạ tầng công nghiệp tiên tiến, tiểu khu vực đã trở thành một điểm thu hút FDI toàn cầu.
- Tuy nhiên, cần phải xem xét thận trọng xem liệu việc tăng FDI có dẫn đến sự phát triển công nghiệp trong khu vực về mặt dài hạn hay không. FDI vào tiểu vùng sông Mê Kông hiện nay tập trung vào tài nguyên thiên nhiên (ví dụ, dầu khí, khoáng sản, nước và đất), các ngành công nghiệp cần nhiều lao động chi phí thấp (ví dụ, gia công xuất khẩu giày dép và quần áo), dây chuyền lắp ráp quy mô lớn của các ngành công nghiệp sản xuất. FDI từ Nhật Bản bao gồm vốn đầu tư của cả doanh nghiệp lớn và nhỏ, từ thượng nguồn đến hạ nguồn của chuỗi giá trị sản xuất trong toàn bộ tiểu vùng sông Mê Kông. Điều này thể hiện thực tế là các doanh nghiệp Nhật Bản xem tiểu vùng sông Mê Kông như một khu vực sản xuất duy nhất và mong muốn xây dựng các cụm công nghiệp trong toàn bộ tiểu vùng sông Mê Kông, mở rộng chuỗi giá trị hiện nay của các doanh nghiệp này ở Thái Lan và Trung Quốc, dựa trên sự phát triển của các nước láng giềng. Ngoài ra, để bắt kịp với sự phát triển của các ngành công nghiệp sản xuất và sự tăng trưởng

của thu nhập địa phương, hoạt động đầu tư được mở rộng ra nhiều ngành công nghiệp từ bán buôn, bán lẻ đến dịch vụ liên quan đến sản xuất.

- Với mục tiêu phát triển trung đến dài hạn là dịch chuyển sang cơ cấu công nghiệp tiên tiến, cần đẩy mạnh hình thành các cụm công nghiệp đa dạng do các doanh nghiệp vừa và nhỏ dẫn đầu nhằm hỗ trợ các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao (ví dụ, ngành công nghiệp phụ trợ bao gồm sản xuất phụ tùng/bán thành phẩm, công nghiệp thiết kế, công nghệ thông tin, bán lẻ và các ngành công nghiệp dịch vụ khác). Do đó, việc chế biến tài nguyên thiên nhiên thay vì chỉ đơn thuần là xuất khẩu nguyên liệu thô chưa qua chế biến sẽ giúp phát triển các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao hơn.

#### <Hợp tác với doanh nghiệp địa phương>

- Cùng với sự phát triển kinh tế của tiểu vùng sông Mê Kông, các doanh nghiệp địa phương cũng phát triển ở mức độ đáng kể. Điều này đặc biệt đúng đối với Thái Lan, đất nước có 11 doanh nghiệp trong 50 công ty hàng đầu ASEAN tính theo vốn hóa thị trường và xếp thứ 3 sau Singapore và Malaysia.

Ngoài ra, đối với trường hợp của Thái Lan, nước này không chỉ tiếp nhận đầu tư mà còn có vai trò quan trọng trong việc đầu tư ra các nước khác trong tiểu vùng sông Mê Kông. Do đó, tính đến năm 2012, Thái Lan đã trở thành một nhà cung cấp FDI lớn. Sự hợp tác kinh doanh xuyên biên giới trong khu vực ngày càng tăng, dẫn đầu là các doanh nghiệp Thái Lan; một ví dụ điển hình là việc Tập đoàn Xi măng Siam của Thái Lan mua 235 triệu USD cổ phần của Tập đoàn Prime của Việt Nam vào năm 2013. Hợp tác kinh doanh xuyên biên giới trong lĩnh vực tài chính cũng gia tăng nhanh chóng. Điển hình là việc Ngân hàng Mitsubishi UFJ mua cổ phần của Ngân hàng Ayudhya vào năm 2013. Một ví dụ khác là việc mở rộng hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại Thái Lan tại các nước trong tiểu vùng sông Mê Kông theo xu hướng “Thái Lan + 1”. Sự hợp tác kinh doanh trong toàn tiểu vùng sông Mê Kông ngày càng tăng.

- Tuy nhiên, vẫn còn những cơ hội hợp tác kinh doanh xuyên biên giới chưa được khai thác, đặc biệt khi so sánh với việc hợp tác kinh doanh rộng hơn ở khu vực xung quanh. Các doanh nghiệp nước ngoài sẵn sàng tìm đối tác kinh doanh địa phương để phát triển kinh doanh và tận dụng nguồn lực địa phương. Tuy nhiên, họ phải đối mặt với nhiều khó khăn do không có sự hiện diện thương mại đầy đủ và sự cạnh tranh của các doanh nghiệp địa phương trong khu vực.
- Sự hiện diện thương mại của các doanh nghiệp tiểu vùng sông Mê Kông, đặc biệt là các doanh nghiệp Thái Lan, tương đối cao trong khu vực ASEAN nhưng vẫn còn hạn chế so với sự hiện diện của các doanh nghiệp Trung Quốc và Ấn Độ ở Châu Á. Cần phải hoàn thiện khung chính sách hay quy định để khuyến khích sự

hợp tác kinh doanh bao gồm khuyến khích các liên minh kinh tế hay mua bán và sáp nhập. Ngoài ra, các doanh nghiệp tiểu vùng sông Mê Kông có thể tìm kiếm cơ hội đầu tư đến Nhật Bản để nâng cao năng lực cạnh tranh và quản trị doanh nghiệp dựa trên kinh nghiệm của các doanh nghiệp Nhật Bản.

#### <Hoạt động nghiên cứu và phát triển>

- Thông qua việc thu hút đầu tư nước ngoài từ các doanh nghiệp có công nghệ tiên tiến và các doanh nghiệp giúp thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp phụ trợ, một cụm công nghiệp đẳng cấp thế giới với các ngành công nghiệp dựa trên khoa học kỹ thuật như công nghiệp sản xuất ô tô và đồ điện tử đã bắt đầu hình thành ở tiểu vùng sông Mê Kông.

Ngoài ra, cơ sở sản xuất ở Thái Lan đã được nâng cấp trong những năm gần đây. Các doanh nghiệp sản xuất phụ tùng và ô tô lớn của Nhật Bản (ví dụ, lốp xe và pin) ủng hộ việc nâng cấp này bằng cách khẳng định ý định mở rộng hoạt động nghiên cứu và phát triển trong khu vực đặc biệt là tại Thái Lan.

Tuy nhiên, so với Trung Quốc, Singapore và Malaysia, so với tỉ lệ dân số, số lượng nghiên cứu và áp dụng Hiệp ước về hợp tác sáng chế (PCT) tương đối thấp ngay cả ở Thái Lan và Việt Nam nơi có tiềm năng lớn trở thành trung tâm của các ngành công nghiệp có kỹ thuật tiên tiến. Hoạt động nghiên cứu và phát triển phải được tiếp tục phát triển nhằm nâng cao nền tảng công nghệ.

#### <Khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ>

- Do doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm một phần lớn trong cơ cấu công nghiệp quốc gia, từ hoạt động kinh doanh cho đến các vấn đề lao động, khuyến khích hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ có vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế quốc gia. Tuy nhiên, do hạn chế về nhân lực và tài chính, các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở tiểu vùng sông Mê Kông đang phải đối mặt với nhiều khó khăn trong việc nâng cao năng suất do không có sự cải tiến và mở cửa những thị trường mới.
- Để nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, việc giải quyết những khó khăn về tài chính và nhân lực là ưu tiên hàng đầu, thông qua việc mở rộng hoạt động kinh doanh, sự tham gia của lao động nữ và thanh niên, tiếp cận với nguồn tài chính truyền thống và phi truyền thống. Ngoài ra, cần phải nâng cao năng suất và tăng cường tiếp cận thị trường thông qua việc tham gia vào các chuỗi cung ứng toàn cầu và cụm công nghiệp do các công ty đa quốc gia thành lập cũng như thúc đẩy cải cách. Cụ thể, do thông tin tương ứng và vấn đề cán cân kinh tế, các doanh nghiệp vừa và nhỏ phải đối mặt với khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn nhiều hơn so với các công ty lớn. Việc tăng cường tiếp cận nguồn vốn là một vấn đề cấp bách.

- Cần cân nhắc các chuỗi cung ứng toàn cầu được hình thành tại tất cả các nước trong tiểu vùng sông Mê Kông, các sáng kiến được Chính phủ ủng hộ bao gồm chính sách và quy định phối hợp giữa các quốc gia và việc đơn giản hóa các thủ tục hành chính để có thể giải quyết thỏa đáng các khó khăn nêu trên.

#### <Liên kết trong khu vực>

- Gần đây đã có sự tăng cường liên kết trong tiểu vùng sông Mê Kông. Điển hình là sự tăng cường hợp tác trong Hành lang kinh tế phía Nam bao gồm việc khánh thành cây cầu Tsubasa được Chính phủ Nhật Bản hỗ trợ vay vốn ODA và đã giúp hình thành các tuyến đường xuất khẩu nhanh cho các sản phẩm của Campuchia, nối liên Campuchia với Cảng hàng không quốc tế CaiMep. Tuy nhiên, các vấn đề liên quan đến cơ sở hạ tầng cứng và mềm dành cho liên kết khu vực vẫn cho thấy nhiều cản trở đối với việc thúc đẩy phát triển chuỗi cung ứng trong toàn khu vực. Cụ thể, các doanh nghiệp cho biết vẫn chưa có nhiều tiến triển trong việc phát triển đường xá ở Myanmar và giữa các quốc gia láng giềng so với sự phát triển tương đối nhanh tại những nước còn lại của tiểu vùng sông Mê Kông. Trong Chiến lược Tokyo mới năm 2015 được các nhà lãnh đạo Nhật Bản và các nước tiểu vùng sông Mê Kông thông qua vào ngày 4/7/2015, Nhật Bản cam kết cho tiểu vùng sông Mê Kông vay 750 tỉ Yên vốn ODA trong ba năm tiếp theo (2016-2018) với mục tiêu đảm bảo ổn định khu vực và đạt được “chất lượng phát triển” trong tiểu vùng sông Mê Kông. Ngoài ra, trong Chiến lược Tokyo mới, các nước tiểu vùng sông Mê Kông khẳng định cam kết ủng hộ sáng kiến của ADB trong việc mở rộng khả năng cho vay và hoan nghênh việc ADB cân nhắc để tăng vốn trong tương lai, cam kết của Nhật Bản về “Đối tác cơ sở hạ tầng chất lượng” trong hợp tác với ADB, bao gồm việc cân nhắc về cơ chế phối hợp mới giữa JICA và ADB nhằm khuyến khích hợp tác công tư (PPP) trong đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng. Thông qua việc thực hiện những sáng kiến này, dự kiến sự liên kết trong tiểu vùng sông Mê Kông sẽ được tăng cường hơn nữa. Về cơ sở hạ tầng mềm, cần khuyến khích phát triển những quy định liên quan đến giao thông và việc thực thi nhất quán những quy định này nhằm đảm bảo sự phát triển thuận lợi và tính minh bạch của hệ thống hậu cần kho vận trong khu vực.
- Đặc biệt trong lĩnh vực hậu cần kho vận, việc hiện đại hóa thông qua tăng cường các dịch vụ phức tạp và đa dạng là yếu tố quan trọng để giảm chi phí hậu cần. Những nỗ lực này bao gồm việc giới thiệu và đưa vào vận hành hệ thống kho, phát triển trang thiết bị cho các dịch vụ hàng hóa hợp nhất và chuỗi cung ứng lạnh. Ngoài ra, việc vận chuyển hàng hóa xuyên biên giới không chính thức phải được điều chỉnh một cách phù hợp nhằm phát triển các dịch vụ vận chuyển xuyên biên

giới hiện đại. Đồng thời, việc thực hiện các quy định về giao thông hiện hành (ví dụ, quy định về trọng tải hàng hóa) phải được tăng cường nhằm đảm bảo tuổi thọ của đường xã và chất lượng của các hạng mục cơ sở hạ tầng cứng khác ở mức độ sử dụng công nghiệp, đồng thời cơ sở hạ tầng cứng phải được ghi nhận và bảo trì như “hàng hóa chung” của tất cả các nước trong tiểu vùng sông Mê Kông.

- Hiệp định thúc đẩy vận tải xuyên biên giới (CBTA) và các biên bản ghi nhớ hai bên, ba bên có liên quan chưa thúc đẩy hoạt động vận tải trong khu vực. Các nước tiểu vùng sông Mê Kông cần thực hiện Hiệp định này một cách nghiêm túc hơn. Cần cân nhắc việc sử dụng cơ chế giám sát một cửa (Single Window Inspection -SWI) và cơ chế thanh tra một cửa (Single Stop Inspection-SSI) ở những khu vực kiểm soát chung (Common Control Areas-CCA) tại những khu vực biên giới chính. Ngoài ra, cần đảm bảo việc thực thi phù hợp với những điều khoản của những Hiệp định này cũng như phổ biến thông tin về những quy định mới và hoạt động gắn liền với Hiệp định. Hơn nữa, liên quan đến một số Biên bản ghi nhớ, cần cân nhắc một cách linh hoạt việc gia tăng số lượng giấy phép xuyên biên giới phù hợp với nhu cầu kinh doanh hàng hóa.

#### < Cung cấp năng lượng và môi trường >

- Một khó khăn khác là việc thiếu ổn định trong cung cấp điện tại tiểu vùng sông Mê Kông. Không có đủ đầu tư nhằm nâng cao tính ổn định và hiệu quả của việc cung cấp năng lượng trong khu vực trong quá trình phát triển mạng lưới điện trong khu vực. Cần phát triển phương án tổng hợp năng lượng tối ưu trên cơ sở cân nhắc thực tế là nguồn cung năng lượng hiện nay phụ thuộc rất nhiều vào thủy điện và cần phải được bổ sung vào mùa khô. Trong số 5 quốc gia trong khu vực, chỉ có Thái Lan là có uy tín cao hơn Trung Quốc trong việc duy trì việc cung cấp điện ổn định cho các cơ sở sản xuất. Giá điện ở Campuchia cao hơn ở Trung Quốc trong khi giá điện bắt đầu tăng ở Việt Nam và Myanmar.
- Các doanh nghiệp Nhật Bản đang tham gia vào các dự án điện ở Campuchia, Lào, Myanmar, Thái Lan và Việt Nam. Ở những quốc gia cho phép tự do sản xuất điện, những nhà cung cấp điện độc lập thường xây dựng một số nhà máy thủy điện nhỏ và không hiệu quả.
- Do lượng tiêu thụ điện dự kiến gia tăng cùng với sự phát triển kinh tế tại tiểu vùng sông Mê Kông, nhu cầu về cơ sở hạ tầng liên quan đến sản xuất điện và sự trao đổi mua bán điện liên khu vực trở nên cấp thiết. Ngoài ra, cần đẩy mạnh phát triển dầu khí nhằm đối phó với nhu cầu năng lượng ngày càng tăng và có sự quan tâm thỏa đáng đến tác động biến đổi khí hậu.
- Cũng cần phải đẩy mạnh tiết kiệm và bảo tồn năng lượng để tránh tình trạng nhu cầu năng lượng tăng quá nhanh. Cần xây dựng các chính sách và khung pháp lý về

tiết kiệm và bảo tồn năng lượng, đặc biệt là ở Campuchia, Lào và Myanmar.

- Song song với việc phát triển kinh tế và nhu cầu cao về điện tại tiểu vùng sông Mê Kông, có nhiều vấn đề về môi trường bao gồm ô nhiễm không khí/nguồn nước, nạn phá rừng, xói mòn đất, khan hiếm nước và chất thải độc hại.
- Chính phủ Nhật Bản đã từng phải đối phó với những khó khăn tương tự trong giai đoạn phát triển kinh tế cao và đã từng hình thành nhiều biện pháp giải quyết khác nhau từ khía cạnh chính sách đến công nghệ. Sự hợp tác giữa các nước tiểu vùng sông Mê Kông và Nhật Bản trong lĩnh vực này sẽ được thực hiện thông qua việc cung cấp kiến thức và công nghệ mà Chính phủ Nhật Bản đã tích lũy được.

#### < Phát triển nhân lực >

- Mặc dù có sự gia tăng về lương gần đây cho công nhân và cán bộ quản lý ở Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam, chi phí lương vẫn là ưu điểm cạnh tranh so với Trung Quốc, Ấn Độ và các nước ASEAN khác.
- Tuy nhiên, sự cân nhắc về kinh doanh liên quan đến mức lương cao nhưng không có sự cải thiện về năng suất, tỉ lệ lao động nghỉ việc cao và tranh chấp lao động thường xuyên diễn ra có thể làm giảm sức hấp dẫn của tiểu vùng sông Mê Kông như là một cơ sở sản xuất. Cũng cần lưu ý rằng xu hướng “Thái Lan + 1) và sự mở rộng xuyên biên giới không mạnh mẽ như mong đợi do sự thiếu hụt lao động nghiêm trọng tại những khu vực biên giới. Ngoài ra, một số doanh nghiệp cho rằng việc giáo dục cơ bản và đào tạo nghề không đầy đủ đã dẫn đến thiếu hụt nguồn lao động có tay nghề cao, ít có sự cải tiến trong chất lượng và năng suất lao động chỉ được tăng cường một cách hạn chế trong khu vực. Đây được xem là thách thức chính đối với việc phát triển công nghiệp vì mục tiêu phát triển trung hạn và dài hạn trong khu vực.

Như nêu trong kế hoạch tổng thể về xây dựng cộng đồng kinh tế ASEAN, cần có sự lưu chuyển tự do lao động có kỹ năng để có thể sử dụng hiệu quả nguồn lao động có tay nghề cao ít ỏi tại tiểu vùng sông Mê Kông. Đối với lao động không có tay nghề, mặc dù việc lưu chuyển lao động trong khu vực một cách linh hoạt và dễ dàng có sức hấp dẫn đối với các doanh nghiệp, có ý kiến quan ngại rằng khoảng cách về lương do trình độ phát triển công nghiệp khác nhau trong khu vực có thể dẫn đến việc di cư ồ ạt của lực lượng lao động. Điều này có thể dẫn đến việc phân bổ lại các ngành công nghiệp trong khu vực.

### **3. Cơ cấu công nghiệp của tiểu vùng sông Mê Kông trong tương lai**

- Với tư cách là nền kinh tế hàng đầu tại tiểu vùng sông Mê Kông, Thái Lan phải đi đầu trong việc công nghiệp hóa và thúc đẩy chuyển giao công nghệ cho các nước tiểu vùng sông Mê Kông khác. Thông qua việc cân bằng các cụm sản xuất ô tô và



thiết bị điện tử và tận dụng lợi thế là nhà phát minh hàng đầu có sự tích lũy tư bản lớn nhất, Thái Lan có thể phát triển các ngành công nghiệp trong nước và công nghệ trong khi mở rộng các chuỗi cung ứng trên toàn khu vực. Ví dụ, ngoài quy trình lắp ráp hoàn chỉnh và sản xuất linh kiện, có thể phát triển các quy trình sản xuất có giá trị gia tăng cao hơn và các cơ sở nghiên cứu và phát triển ở Thái Lan (ví dụ, phát triển và gia công phần mềm trong công nghiệp tự động, sản xuất các linh kiện chung và đánh bóng trong công nghiệp điện tử).

- Mặc dù Việt Nam là quốc gia có thu nhập trung bình, cơ sở cho các ngành công nghiệp phụ trợ vẫn chưa được phát triển mạnh, tuy nhiên, Việt Nam nên tận dụng lợi thế của mình là quốc gia đông dân nhất trong khu vực với đường bờ biển dài và có các cảng biển nước sâu có thể tiếp cận dễ dàng với thị trường Hoa Kỳ và EU cũng như vị trí địa lý ở cạnh khu vực phía Nam của Trung Quốc vốn là cụm sản xuất điện tử lớn nhất thế giới. Chính sách công nghiệp nhất quán từ việc thúc đẩy nhu cầu, phát triển nhân lực, tự do hóa thương mại và chính sách khuyến khích đầu tư có thể làm tăng vốn FDI từ Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc vào các ngành công nghiệp bao gồm công nghiệp ô tô và điện tử. Việt Nam đã bắt đầu thu hút FDI của Nhật Bản và Trung Quốc trong các công đoạn phía trên như kéo sợi hoặc sản xuất toàn bộ. Việt Nam có thể đẩy mạnh nền công nghiệp tập trung vào các công đoạn phía trên thông qua việc áp dụng các chính sách tận dụng lợi thế của các hiệp định đối tác kinh tế như TPP, RCEP và Hiệp định với EU.
- Campuchia, Lào và Myanmar đang ở giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa và do đó ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp giúp cân bằng lực lượng lao động dư thừa và/hoặc tài nguyên thiên nhiên như nông nghiệp và đánh bắt thủy sản, chế biến thực phẩm và du lịch. Trước mắt, một ưu tiên khác là tham gia vào mạng lưới sản xuất toàn cầu bằng cách thu hút đầu tư sản xuất từ các nước khác bao gồm các quy trình sản xuất sử dụng nhiều lao động và giảm chi phí liên quan đến dịch vụ. Điều này có thể nâng cao tính cạnh tranh của các công ty địa phương và củng cố lực lượng lao động thông qua việc cân bằng chuyển giao công nghệ từ các mạng lưới sản xuất toàn cầu.

Tuy nhiên, địa điểm của các quy trình sản xuất sử dụng nhiều lao động luôn thay đổi; vì vậy, về mặt dài hạn, cần phát triển các ngành công nghiệp bổ sung cho khu vực/các nước láng giềng và tận dụng ưu điểm của từng quốc gia.

Ví dụ, với năng lực gia công hiện nay, Campuchia và Myanmar có thể thu hút những quy trình sản xuất có giá trị gia tăng cao hơn như kéo sợi, dệt sợi hay lập kế hoạch sản xuất. Ngoài ra, để phát triển về mặt dài hạn các ngành công nghiệp có

giá trị gia tăng cao và trung bình, cần phát triển các dịch vụ hậu cần kho vận như là trung tâm của tất cả các ngành công nghiệp, bao gồm công nghiệp vận tải, bao bì đóng gói và kiểm tra, mở rộng các dịch vụ bảo trì và sản xuất linh kiện và phát triển cơ sở hạ tầng.

Với nguồn nước dồi dào, đất đai màu mỡ và lực lượng lao động chi phí thấp, Lào có lợi thế cạnh tranh trong việc hình thành một nền công nghiệp sản xuất máy móc hoàn chỉnh (ví dụ, quy trình đánh bóng thấu kính), công nghiệp chế biến khoáng sản, công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp lắp ráp linh kiện điện và điện tử. Nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú không chỉ tạo ra ưu thế xuất khẩu nguyên vật liệu thô mà còn là cơ hội để phát triển công nghiệp thông qua việc chế biến các nguồn lực trong khu vực và tạo ra giá trị gia tăng.

Ngoài ra, việc tăng hiệu quả sản xuất và truyền tải điện năng có thể hỗ trợ ngành công nghiệp sản xuất ở tiểu vùng sông Mê Kông.

- Cùng với quá trình công nghiệp hóa và thay đổi trong cơ cấu công nghiệp, có thể dự đoán nhiều khó khăn sẽ nảy sinh từ những khác biệt trong quá trình phát triển giữa khu vực nông thôn và thành thị, chẳng hạn như sự sụt giảm dân số ở nông thôn và gia tăng khác biệt trong thu nhập. Để giải quyết khó khăn này, cần phải coi ngành công nghiệp thực phẩm và nông sản, vốn là những ngành công nghiệp chính của khu vực nông thôn, như là các ngành công nghiệp chiến lược giúp hình thành chuỗi giá trị của thực phẩm, thúc đẩy sự phát triển các ngành này thành những ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao hơn. Căn cứ vào nhu cầu thực phẩm ngày càng tăng ở khu vực Đông Nam Á, ưu điểm về địa lý và tự nhiên của tiểu vùng sông Mê Kông, có thể khuyến khích việc nuôi trồng và chế biến các loại rau củ/hoa quả chuyên biệt như là những ngành công nghiệp xuất khẩu chiến lược với sự quan tâm đến an toàn thực phẩm. Sự phát triển của nông nghiệp và chế biến thực phẩm sẽ khuyến khích sản xuất (sản xuất máy móc nông nghiệp, máy móc chế biến thực phẩm) và các ngành công nghiệp dịch vụ có liên quan (dịch vụ hậu cần kho vận cho chuỗi cung ứng lạnh, cửa hàng bán lẻ thực phẩm và dịch vụ liên quan đến thực phẩm) của các chuỗi giá trị có liên quan. Ngoài ra, việc kết hợp nông nghiệp với các ngành công nghiệp liên quan đến thực phẩm sẽ giúp nông nghiệp trở thành cái gọi là “nền công nghiệp thứ sáu (kết hợp nền công nghiệp chủ đạo, công nghiệp thứ yếu và công nghiệp thứ ba)” và tăng thêm giá trị cho ngành công nghiệp liên quan đến nông nghiệp. Điều này có thể dẫn đến việc hình thành chuỗi giá trị thực phẩm ở tiểu vùng sông Mê Kông và góp phần tham gia vào chuỗi giá trị thực phẩm toàn cầu.

Ví dụ, việc cơ giới hóa nông nghiệp ở tiểu vùng sông Mê Kông sẽ khuyến khích nội địa hóa ngành sản xuất máy móc, bổ sung cho việc thiếu lao động trong nông

nghiệp bằng cách tăng năng suất lao động, hỗ trợ dịch chuyển lao động từ những ngành công nghiệp chủ chốt sang các ngành công nghiệp thứ yếu và thứ ba. Ngoài ra, sự phát triển của các ngành công nghiệp dịch vụ vận tải cung cấp dịch vụ hậu cần kho vận cho chuỗi cung ứng lạnh giúp tăng cường khả năng cạnh tranh xuất khẩu của các sản phẩm nông nghiệp cũng như cải thiện hệ thống phân phối các sản phẩm nông nghiệp truyền thống. Thêm vào đó, nông dân và các doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể đạt được những lợi ích kinh tế khác như tăng thu nhập cho nông dân và phát triển kinh tế nông thôn thông qua việc tiếp cận trực tiếp với các thị trường từ kết quả của việc triển khai “nền công nghiệp thứ sáu”.

- Thông qua việc thực hiện cơ cấu công nghiệp tối ưu này trong toàn tiểu vùng sông Mê Kông, tầm nhìn mà Nhật Bản và các quốc gia tiểu vùng sông Mê Kông cùng hướng tới là một xã hội trong đó mỗi công dân của tiểu vùng sông Mê Kông có thể có “cuộc sống sung túc”, nơi nền văn hóa, truyền thống và môi trường tự nhiên được kế thừa và phát huy, và quá trình công nghiệp hóa có thể mang lại chất lượng cuộc sống cao hơn và mức độ tiêu dùng cao.
- Chính phủ Nhật Bản và các doanh nghiệp sẽ tiếp tục phối hợp với các quốc gia và doanh nghiệp tiểu vùng sông Mê Kông để rút ngắn khoảng cách hiện nay giữa các nước và các thành phố, dựa trên niềm tin rằng sự phát triển đồng đều và cân bằng sẽ góp phần vào sự phát triển và thịnh vượng của cả Nhật Bản và các quốc gia trong tiểu vùng sông Mê Kông.

#### **4. Định hướng chính sách**

- Hướng đến việc tăng cường hơn nữa quan hệ hợp tác đôi bên cùng có lợi và mở rộng các chuỗi cung ứng tại tiểu vùng sông Mê Kông, 1) Hợp tác với các nước láng giềng, 2) Hình thành cơ sở cho một cơ cấu công nghiệp tiên tiến hơn, và 3) Cần hoàn thiện cơ sở hạ tầng và nguồn lực hỗ trợ chuỗi giá trị trong khu vực. Những nỗ lực này sẽ được thực hiện trong toàn khu vực trước năm 2020 và mức tăng GDP trong Mekong được kỳ vọng đạt 20 tỷ USD như là kết quả của tầm nhìn này (tức là 2.0% GDP của Mekong). Khi đó khu vực có thể đóng vai trò như trung tâm của mạng lưới chuỗi giá trị Châu Á và tạo cơ sở cho sự tăng trưởng kinh tế nhằm mang lại lợi ích cho hai nền kinh tế lớn có tốc độ phát triển nhanh ở cạnh khu vực là Trung Quốc và Ấn Độ.
- Chính phủ Nhật Bản tiếp tục hỗ trợ và thúc đẩy hợp tác với các chính phủ các nước tiểu vùng sông Mê Kông hình thành các chính sách công nghiệp nhằm thực hiện tầm nhìn và giải quyết những vấn đề mà từng nước đang gặp phải (Ví dụ, Chiến lược công nghiệp hóa của Việt Nam).

## **(1) Hợp tác với các nước láng giềng**

### < Hoàn thiện cơ cấu thương mại >

Sự cạnh tranh về công nghiệp của tiểu vùng sông Mê Kông tiếp tục được tăng cường hơn so với các khu vực khác để trở thành khu vực sản xuất và cơ sở xuất khẩu của toàn khu vực Châu Á được hỗ trợ bởi cộng đồng kinh tế ASEAN và RCEP.

Cần hợp nhất các chính sách khu vực về thương mại xuyên biên giới tại các nước tiểu vùng sông Mê Kông nhằm hình thành chuỗi giá trị khu vực góp phần vào chuỗi giá trị toàn cầu, hỗ trợ việc lưu chuyển hàng hóa thuận lợi giữa các nước trong khu vực.

Thực hiện các chính sách thu hút các lĩnh vực công nghiệp tận dụng ưu điểm của mỗi nước là ưu tiên nhằm thúc đẩy các nền công nghiệp xuất khẩu một cách chiến lược, kết hợp các chuỗi giá trị trong toàn khu vực, hình thành các mối quan hệ bổ sung cho nhau giữa các nước (ví dụ, hình thành tiêu chuẩn và chứng nhận, hình thành chuỗi cung ứng lạnh đạt tiêu chuẩn toàn cầu và xây dựng năng lực).

Ngoài ra, cần có nỗ lực toàn diện để thúc đẩy “ngành công nghiệp mới” (ví dụ, chăm sóc y tế, công nghiệp truyền thông, công nghiệp xanh và năng lượng, đàn hồi) nhằm đáp ứng những khó khăn về xã hội mà các nước trong tiểu vùng sông Mê Kông đang phải đối mặt.

### < Thúc đẩy FDI bằng các đặc khu kinh tế >

Để tăng sức hấp dẫn của các đặc khu kinh tế trong khu vực thành thị và biên giới đối với các nhà đầu tư Nhật Bản, cần cung cấp thông tin chi tiết cùng với sự hỗ trợ hành chính, phối hợp với các bên có liên quan như JETRO và Trung tâm ASEAN-Nhật Bản.

Liên quan đến việc phát triển các đặc khu kinh tế ở khu vực biên giới, các quốc gia cần cân nhắc thận trọng và thảo luận kỹ càng việc chuyên môn hóa và phối hợp giữa các đặc khu kinh tế ở Thái Lan với các đặc khu kinh tế ở Campuchia, Lào và Myanmar để đạt được chiến lược “đôi bên cùng có lợi” cho tất cả các bên có liên quan. Ví dụ, tại Đối thoại Chính phủ-Công nghiệp ở Campuchia và Lào, Chính phủ Thái Lan được yêu cầu phải giảm thiểu sự tắc nghẽn giao thông ở khu vực biên giới thông qua việc củng cố các trung tâm dịch vụ hậu cần kho vận hoặc nâng cao chất lượng cuộc sống ở khu vực biên giới với việc hình thành các trung tâm thương mại và khu dân cư.

### < Phối hợp với doanh nghiệp địa phương >

Cần tăng cường phối hợp kinh doanh thông qua việc hình thành và thực hiện các quy định về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp và nguyên tắc kế toán minh bạch, khuyến khích sự hợp tác nhằm thúc đẩy tín dụng và thị trường chứng khoán, và thông qua việc hình thành những diễn đàn chung khác giữa khu vực và Nhật Bản phù hợp với quy định của pháp luật từng nước. Cần khuyến khích xây dựng năng lực và chuyển giao thông tin nhằm thực hiện mục tiêu này. Khuyến khích tổ chức các hội chợ thương mại, đoàn công tác kinh doanh và hội thảo đầu tư nhằm tạo cơ hội tìm kiếm đối tác kinh doanh cho các nhà đầu tư nước ngoài bao gồm các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Nhật Bản và các doanh nghiệp địa phương trong khu vực.

## **(2) Hình thành cơ sở cho một cơ cấu công nghiệp tiên tiến hơn**

### < Thúc đẩy nghiên cứu và phát triển >

Cần thực hiện các hoạt động nghiên cứu và phát triển rộng rãi liên quan đến phát triển sản phẩm tại các nước tiểu vùng sông Mê Kông dựa trên lợi thế cạnh tranh “gắn liền với khu vực sản xuất”, vấn đề thách thức đối với việc hình thành xã hội phát triển bền vững và thúc đẩy các nền công nghiệp dựa trên đặc điểm riêng của tiểu vùng sông Mê Kông, hay những vấn đề mà các quốc gia tiểu vùng sông Mê Kông đang phải đối phó bao gồm thiên tai, biến đổi khí hậu, sử dụng năng lượng/nước không hiệu quả và sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch.

Cần hình thành các khóa học và chương trình thực tập trên cơ sở phối hợp với các trường đại học và ngành công nghiệp của Nhật Bản nhằm tăng cường đội ngũ lao động và quản lý có tay nghề cao trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật. Tăng cường đầu tư phát triển sản phẩm nhằm phát triển sản phẩm đáp ứng nhu cầu của thị trường có số lượng hàng hóa sản xuất nhiều, chất lượng cao, phù hợp với các ngành công nghiệp sản xuất.

### < Tính cạnh tranh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ >

Thông qua việc từng bước thực hiện “Chương trình hành động chiến lược của ASEAN nhằm phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ (2016–2025)”, cần thúc đẩy việc tăng cường năng lực của các doanh nghiệp vừa và nhỏ đáp ứng nhu cầu cải cách và hội nhập quốc tế.

## **(3) Hoàn thiện cơ sở hạ tầng và nguồn lực hỗ trợ chuỗi giá trị trong khu vực**

### <Liên kết trong khu vực>

Cần tăng cường liên kết, đặc biệt thông qua việc phát triển Hành lang kinh tế Đông-Tây, Hành lang kinh tế phía Nam và sự liên kết giữa miền Nam và miền Bắc của Việt Nam tại tiểu vùng sông Mê Kông. Cụ thể, cần ưu tiên tăng cường liên kết của Hành lang kinh tế Đông-Tây, Hành lang kinh tế phía Nam với Myanmar với việc giải quyết vấn đề cần phải có các cảng biển nước sâu để có thể tiếp cận dễ dàng hơn với Ấn Độ và Trung Đông.

Việc hình thành các chuỗi cung ứng xuyên biên giới đòi hỏi phải cắt giảm chi phí thương mại không chỉ về mặt tiền bạc mà còn về thời gian và khả năng đáng tin cậy của dịch vụ hậu cần kho vận. Dựa trên những phân tích trên đây, cần phải có nỗ lực toàn diện bao gồm những nội dung sau:

- Đáp ứng nhu cầu phải có khối lượng phát triển cơ sở hạ tầng lớn tại các nước tiểu vùng sông Mê Kông, Nhật Bản thúc đẩy “đầu tư cơ sở hạ tầng có chất lượng” trong phối hợp với các nước khác, các tổ chức quốc tế bao gồm Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) và các tổ chức tài chính, không chỉ thông qua tài chính công mà còn phát triển và tăng cường cơ chế thu hút vốn tư nhân để phát triển cơ sở hạ tầng phù hợp với “Hợp tác phát triển cơ sở hạ tầng có chất lượng: đầu tư cho tương lai Châu Á” được Thủ tướng Abe khẳng định vào tháng 5 năm 2015.
- Phối hợp tổ chức các hội thảo với cán bộ của các bên có liên quan để lắng nghe quan điểm của nhà đầu tư về các vấn đề trong ngành hậu cần kho vận của toàn bộ tiểu vùng sông Mê Kông và thảo luận làm thế nào để giải quyết những vấn đề đó bao gồm những thách thức của CBTA,
- Thúc đẩy hỗ trợ thương mại bằng cách hiện đại hóa hải quan,
- Tìm hiểu để xác định việc xử dụng những loại hình vận tải đa phương tiện tối ưu (ví dụ, đường bộ, đường biển, đường hàng không) nhằm tiết kiệm chi phí/năng lượng.

### <Cung cấp năng lượng và môi trường>

- Cần hình thành các kế hoạch sử dụng năng lượng và điện phù hợp trên cơ sở tổng hợp danh mục năng lượng và đạt được hiệu quả cao, bảo vệ môi trường nhằm đạt được trạng thái cân bằng ổn định giữa cung và cầu về năng lượng tại mỗi quốc gia. Cung cấp điện xuyên quốc gia dựa trên mạng lưới điện ASEAN có thể là một giải pháp; việc thực hiện kế hoạch kết nối mạng lưới điện của HAPUA (Trường cơ quan/ngành điện ASEAN) có thể là một giải pháp.

Đối với việc cung cấp điện trong khu vực, có thể xây dựng các nhà máy điện nhằm đạt được tổng hợp danh mục năng lượng tốt nhất trong khu vực. Thực hiện các dự án năng lượng xác định trong Khung Đầu tư khu vực GMS (RIF) và hình thành các trung tâm điều phối điện trong khu vực (RPCC) là vấn đề mấu chốt nhằm đảm bảo

an ninh năng lượng cho khu vực. Liên quan đến các nhà máy điện tư nhân, cần tăng cường đầu tư chất lượng cao, cơ sở hạ tầng có năng suất cao hơn, chẳng hạn như những nhà máy điện chạy bằng nguyên liệu than có năng suất cao, nhằm mục đích tăng cường an ninh năng lượng, góp phần giảm chi phí nhiên liệu và giảm thiểu thay đổi khí hậu.

- Cải thiện môi trường đầu tư nhằm ổn định sự phát triển dầu khí với các thủ tục nhanh gọn và quản lý ổn định của các cơ quan trong nước.
- Cần phát triển các biện pháp chính sách hiệu quả để khuyến khích sử dụng tiết kiệm và bảo tồn năng lượng, năng lượng tái tạo và cộng đồng/mạng lưới thông minh.
- Đồng thời, thúc đẩy các ngành công nghiệp hỗ trợ phát triển bền vững và thân thiện với môi trường.
- Cần xem xét phòng chống thiên tai bằng cách thành lập chuỗi cung cấp linh hoạt.

#### < Phát triển nhân lực >

Thái Lan có cụm công nghiệp lớn nhất ở tiểu vùng sông Mê Kông và có thể trở thành trung tâm phát triển nhân lực tiềm năng và góp phần phát triển nhân lực trong khu vực với việc chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn. Để có thể liên tục cung cấp nguồn nhân lực cho quá trình công nghiệp hóa của mỗi quốc gia, cần thực hiện những việc sau:

- Để hình thành các chính sách phát triển nhân lực một cách hiệu quả, cần đánh giá đầy đủ các giai đoạn phát triển nhân lực hiện nay của mỗi quốc gia, trên cơ sở đó để hình thành các chính sách phát triển nhân lực toàn diện nhằm giải quyết các vấn đề ở mỗi nước.
- Chính phủ cần có các biện pháp để tăng cường chất lượng giáo dục cơ bản và giáo dục nâng cao bao gồm hỗ trợ các trường đại học hàng đầu (chủ yếu trong lĩnh vực kỹ thuật) và mạng lưới AUN/SEED (mạng lưới các trường đại học ASEAN/mạng lưới phát triển giáo dục kỹ thuật Đông Nam Á).
- Cần tăng cường đào tạo nghề bao gồm việc tiếp nhận người tập sự từ những quốc gia láng giềng của các chính phủ và các ngành công nghiệp tại các nước hàng đầu trong khu vực (ví dụ Thái Lan) bên cạnh việc quan tâm đến bồi dưỡng kỹ năng trong khi làm việc và đạo đức của các nhà đầu tư nước ngoài như là cách hiệu quả nhất trong phát triển nhân lực.
- Cần xây dựng mạng lưới đào tạo nghề chuyên sâu để cung cấp nguồn nhân lực có tay nghề cao dựa trên kinh nghiệm của Nhật Bản theo mạng lưới APEN (Mạng lưới đào tạo nghề chuyên sâu của Châu Á).
- Trên cơ sở phối hợp với các tổ chức có liên quan như JICA, JETRO, Trung tâm ASEAN-Nhật Bản, ADB và ERIA, các thành viên tiểu vùng sông Mê Kông và Nhật Bản sẽ hợp tác xây dựng “chương trình làm việc” bao gồm những hoạt động

cụ thể và thời gian thực hiện Tầm nhìn phát triển công nghiệp tiểu vùng sông Mê Kông. Chương trình làm việc sẽ được trình cho Diễn đàn Công nghiệp tiểu vùng sông Mê Kông-Chính phủ Nhật Bản và Cuộc gặp giữa các bộ trưởng kinh tế tiểu vùng sông Mê Kông-Nhật Bản vào năm 2016. Tiến độ thực hiện Chương trình làm việc này sẽ được báo cáo hàng năm tại cuộc họp của các bộ trưởng kinh tế sau đó.